

QUYẾT ĐỊNH

PHÚC THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Về việc xác định, phân chia tài sản chung để thi hành án

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- 1. Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Bà Trần Thị Thu Hiền
- 2. Các Thẩm phán:* Ông Bùi Minh Thư và bà Trương Thị Lệ Thu
- 3. Thư ký phiên họp:* Bà Nguyễn Thị Linh Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.
- 4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp:* Bà Phạm Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên họp phúc thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 07/2025/TLPT-DS ngày 04 tháng 3 năm 2025.

Do Quyết định giải quyết việc dân sự sơ thẩm số 01/2025/QĐST-DS ngày 08/01/2025 về việc “*Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án, theo quy định của Luật thi hành án dân sự*” của Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định mở phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2025/QĐPT- DS ngày 25/3/2025 và Thông báo mở lại phiên họp số 02/2025/QĐ-PT ngày 15/4/2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị Phương Đ, sinh năm: 1975; Chức vụ: Chấp hành viên - Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh; Địa chỉ: Thôn C, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh – có mặt;

2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Sỹ H, sinh năm 1965; Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh – vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Sỹ H: Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1978; Nơi cư trú: K, phường C, thành phố V, tỉnh Nghệ An – có mặt;

- Bà Cù Thị Mai H1, sinh ngày 27/9/1983; Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an

tỉnh H) – có mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt;

- Ông Lê Tùng L1, sinh năm 1952 và bà Phan Thị Hồng V, sinh năm 1955; Địa chỉ: Số A, đường L, tổ dân phố H, phường B, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh – có mặt;

- Ông Nguyễn Đình Q, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh – có mặt;

- Ông Phạm Quốc V1, sinh năm 1977 và bà Phan Thị N, sinh năm 1977 Nơi cư trú: Xóm K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh – vắng mặt;

- Ông Cù Xuân L2, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963; đều trú tại: Xóm K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh – có mặt;

Người kháng cáo: ông Nguyễn Sỹ H, ông Nguyễn Đình Q, bà Nguyễn Thị A, ông Cù Xuân L2 và bà Nguyễn Thị M.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết và tại phiên họp, bà Nguyễn Thị Phương Đ chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện Hương Sơn trình bày:

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh đang thụ lý giải quyết việc thi hành án đối với Bản án số 02/2023/DSST, ngày 19/5/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Ngày 10/10/2023 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 29/QĐ-CCTHADS, nội dung quyết định buộc bà Cù Thị Mai H1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Tùng L1 và bà Phan Thị Hồng V số tiền 2.700.000.000đồng. Quá trình xác minh điều kiện thi hành án của đương sự cho thấy: Bà Cù Thị Mai H1 cùng ông Nguyễn Sỹ H (chồng bà H1) cùng đứng tên quyền sử dụng đất tại các thửa:

- Thửa đất số 318, tờ bản đồ 32, diện tích 33,5m², địa chỉ thửa đất: Xã T, huyện T, thành phố Hà Nội, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DB 709615 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố H cấp ngày 03/6/2021;

- Thửa đất số 39, tờ bản đồ số 23, diện tích 166,2 m², địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DC 314578, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 08/12/2021;

- Thửa đất số 07, tờ bản đồ số 30, diện tích 100,9 m², địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố C, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DA 214243, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 19/4/2021;

- Thửa đất số 74, tờ bản đồ số 26, diện tích 103,8 m², địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DD 459996, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 06/6/2022;

- Thửa đất số 40, tờ bản đồ số 01, diện tích 135 m², nay là thửa đất số 18, tờ bản đồ số 23, diện tích 144,5 m² địa chỉ thửa đất: Khối 06 (nay là Tổ dân phố A), thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BG479784, do UBND huyện H cấp ngày 18/01/2012 mang tên Cù Thị Mai H1 và Nguyễn Sỹ H, tài sản trên đất là một ngôi nhà xây hai tầng cùng các công trình khác gắn liền với đất.

- Thửa đất số 143, tờ bản đồ số 200, diện tích 338,8 m², địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BT 054011, do UBND huyện H cấp ngày 25/12/2013;

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota mang biển kiểm soát 38A-158.68 mang tên Nguyễn Sỹ H.

Để có cơ sở thi hành án, ngày 25/12/2023 Chấp hành viên đã ban hành thông báo số 643, 644a/TB-THADS về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án cho bà Cù Thị Mai H1 và ông Nguyễn Sỹ H để các ông bà thực hiện quyền tự phân chia tài sản hoặc yêu cầu Tòa án phân chia tài sản nói trên để thi hành theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự. Hết thời hạn, bà H1, ông H không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, ngày 19/02/2024, Chấp hành viên ban hành thông báo số 62/TB-THADS về việc yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung cho người được thi hành án là ông Lê Tùng L1 và bà Phan Thị Hồng V biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật thi hành án Dân sự. Tuy nhiên, hết thời hạn theo quy định nhưng ông L1, bà V cũng không yêu cầu Tòa án phân chia hoặc xác định phần quyền tài sản của bà H1, ông H. Căn cứ khoản 1 Điều 74 Luật, khoản 3 Điều 75 Luật Thi hành án dân sự, Chấp hành viên đề nghị Tòa án xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của bà H1, ông H trong khối tài sản gồm các tài sản chung như trên theo thủ tục tố tụng dân sự để làm cơ sở thi hành án theo quy định của pháp luật. Tại phiên họp bà Nguyễn Thị Phương Đ không thay đổi quan điểm của mình.

Quá trình giải quyết việc dân sự ông Nguyễn Sỹ H trình bày: Toàn bộ số tài sản yêu cầu giải quyết như liệt kê ở trên là do ông Nguyễn Sỹ H bỏ công sức tạo lập nên, bà H1 không có công sức đóng góp nên ông không đồng tình việc phân chia tài sản với bà Cù Thị Mai H1 (Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/11/2024 đã đồng ý là tài sản chung, Tòa án thụ lý giải quyết ông H không có ý kiến gì).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Sỹ H là Nguyễn Hữu L tại phiên họp trình bày: Đề nghị đưa ông Cù Xuân L2, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị M sinh năm 1963. Đều trú tại: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đề nghị chủ tọa phiên họp hoãn phiên họp vì chưa nhận được quyết định giải quyết khiếu nại của Tòa án và Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Sơn. Căn cứ vào

điểm c khoản 2 Điều 22 Nghị định 62/2015/NĐ - CP ngày 18/7/2015, thì Chấp hành viên chưa đủ điều kiện để khởi kiện yêu cầu giải quyết việc dân sự. Trong việc dân sự này các loại tài sản là: Thửa đất số 39, tờ bản đồ số 23, diện tích 166,2m² Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 314578, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 08/12/2021. Địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh và thửa đất số 143, tờ bản đồ số 200, diện tích 338,8m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 054011, do UBND huyện H cấp ngày 25/12/2013, mang tên Cù Thị Mai H1 và Nguyễn Sỹ H. Địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, hiện đang có tranh chấp nên chuyển việc dân sự thành vụ án dân sự để giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Cù Thị Mai H1: Hiện đang bà bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh H, vào ngày 29/10/2024, Tòa án đã trực tiếp làm việc với bà Cù Thị Mai H1, bà H1 cho biết đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung để tiến hành thi hành án đối với nghĩa vụ trả nợ của mình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Tùng L1 và bà Phan Thị Hồng V, trình bày: Đề nghị Tòa án xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của bà H1 và ông H trong khối tài sản gồm các loại tài sản chung như Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Sơn đã yêu cầu giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị A, trình bày: Thửa đất số 39, tờ bản đồ số 23, diện tích 166,2 m², địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DC 314578, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 08/12/2021, của ông Nguyễn Sỹ H và bà Cù Thị Mai H1, ông bà đã mua lại của ông H và bà H1 với giá 800.000.000 đồng, khi mua chưa làm các thủ tục mua bán theo quy định của pháp luật, vì giữa ông bà với ông Nguyễn Sỹ H và bà Cù Thị Mai H1 là anh em trong nhà (ông H là em ruột bà Nguyễn Thị A, ông Q gọi ông H là C, gọi bà H1 là M1). Khi mua thửa đất trên đã có nhà và các công trình đầy đủ như hiện nay, nhưng chưa hoàn thiện. Về đất khi mua đến giờ không có gì thay đổi, vẫn giữ nguyên hiện trạng. Sau khi về ở ông đã trát tường, làm trần, làm lại cổng mới, mái che làm mới trước sau, làm sân, ốp lát toàn bộ trong nhà. Trị giá các hạng mục vợ chồng ông bà làm lại và làm mới như trình bày trên là 270.000.000 đồng. Việc mua bán các vật liệu cát sỏi, gạch ốp, gạch lát, xi măng, gạch đỏ, sắt thép.... chúng tôi không có biên lai mua bán các vật liệu đó, cũng không có hợp đồng xây dựng gì cả.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị N, trình bày: Thửa đất số 143, tờ bản đồ số 200, diện tích 338,8 m², địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BT 054011, do UBND huyện H cấp ngày 25/12/2013, là chị N thuê từ ông L2 và bà M (bố mẹ chị Cù Thị Mai H2) và chị N biết được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Sỹ H và bà Cù Thị Mai H1, thuê mỗi tháng 200.000 đồng, ông Phạm Quốc V1 là người ở nhờ chị sau khi chị thuê không liên quan gì cả, trước

khi vào thuê đã có một căn nhà gỗ và các loại tài sản trên đất như thảm định. Diện tích đất từ khi thuê cho đến giờ không có gì thay đổi, chị N cũng thừa nhận chị không có công sức tôn tạo, đóng góp gì đối với thửa đất và tài sản trên đất, đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật và xin vắng mặt tại phiên họp.

Quá trình giải quyết và tại phiên họp ông Cù Xuân L2 và bà Nguyễn Thị M trình bày: Gia đình tôi nhận thầu đất trồng cây 20 năm (năm 1997), đến năm 2010, nhà nước thu hồi trước thời hạn, nên gia đình tôi được ưu tiên cấp một thửa đất 300m², nếu cấp được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình phải có con ở riêng, tại thời điểm đó con tôi là Cù Thị Mai H1 lấy chồng và theo chồng nên làm hồ sơ cấp cho con đẻ là Cù Thị Mai H1 và con rể là Nguyễn Sỹ H, tôi yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, thửa đất này để đảm bảo quyền lợi cho ông, bà.

Tại Quyết định giải quyết việc dân sự sơ thẩm số 01/2025/QĐST-DS ngày 08/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh đã căn cứ khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39, Điều 156, 157, 165, 228, 361, 367, 370, 371, 372 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 213, 219 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 29, 33, 35, 37, 38, 39, 40 và Điều 59 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; khoản 4 Điều 11, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Phương Đ - Chấp hành viên của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh về việc “Xác định, phân chia tài sản chung để thi hành án”.

2. Xác định phần quyền sở hữu trong các tài sản chung của ông Nguyễn Sỹ H và bà Cù Thị Mai H1 như sau:

+ Ông Nguyễn Sỹ H được hưởng 50%; bà Cù Thị Mai H1 được hưởng 50% phần quyền sở hữu đối với Thửa đất số 318, tờ bản đồ 32, diện tích 33,5m², địa chỉ thửa đất: Xã T, huyện T, thành phố Hà Nội, được Sở tài nguyên và môi trường thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DB 709615 ngày 03/6/2021.

+ Ông Nguyễn Sỹ H được hưởng 70%; bà Cù Thị Mai H1 được hưởng 30% phần quyền sở hữu đối với Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 23 (trước đây là thửa 40, tờ bản đồ số 01); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 488870, do UBND huyện H cấp ngày 18/01/2021 và các tài sản gắn liền với đất. Tại tổ dân phố dân phố A1, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Ông Nguyễn Sỹ H được hưởng 50%; bà Cù Thị Mai H1 được hưởng 50% phần quyền sở hữu đối với Thửa đất số 39, tờ bản đồ số 23, diện tích 166,2m² Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 314578, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 08/12/2021 và các tài sản gắn liền với đất. Tại Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Ông Nguyễn Sỹ H được hưởng 50%; bà Cù Thị Mai H1 được hưởng 50% phần quyền sở hữu đối với Thửa đất số 74, tờ bản đồ số 26, diện tích 103,8m², địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 459996, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 06/6/2022 và các tài sản gắn liền với đất.

+ Ông Nguyễn Sỹ H được hưởng 50%; bà Cù Thị Mai H1 được hưởng 50% phần quyền sở hữu đối với Thửa đất số 07, tờ bản đồ số 30, diện tích 100,9m²; địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố B, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 214243, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 19/4/2021 và các tài sản gắn liền với đất.

+ Ông Nguyễn Sỹ H được hưởng 50%; bà Cù Thị Mai H1 được hưởng 50% phần quyền sở hữu đối với Thửa đất số 143, tờ bản đồ số 200, diện tích 338,8m²; địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 054011, do UBND huyện H cấp ngày 25/12/2013 và các tài sản gắn liền với đất.

+ Ông Nguyễn Sỹ H được hưởng 50%; bà Cù Thị Mai H1 được hưởng 50% phần quyền sở hữu đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota, loại xe con, màu sơn trắng, trọng tải hàng hóa 07 chỗ, mang biển kiểm soát 38A-158.68, giấy chứng nhận đăng ký xe ngày 15/12/2015.

Ngoài ra, tại quyết định còn giải quyết về chi phí tố tụng, lệ phí giải quyết việc dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/01/2025, ông Nguyễn Sỹ H, ông Nguyễn Đình Q, bà Nguyễn Thị A, ông Cù Xuân L2 và bà Nguyễn Thị M đã kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2025/DQĐST-DS ngày 08/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Tại phiên họp phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và cho rằng tài sản đang có tranh chấp nên đây phải là vụ án dân sự và giải quyết theo thủ tục tố tụng đối với vụ án dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký phiên họp và các đương sự, đã phân tích đánh giá các chứng cứ của việc dân sự, quyết định sơ thẩm, nội dung đơn kháng cáo của các đương sự và đề nghị Hội đồng phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 3 Điều 375 BLTTDS không chấp nhận nội dung kháng cáo, giữ nguyên Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2025/DQĐST-DS ngày 08/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Hội đồng phúc thẩm nhận định:

1. Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết việc dân sự về “*Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản*”

chung để thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự” là đúng theo quy định tại khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Sỹ H, bà Nguyễn Thị M, ông Cù Xuân L2, ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị A làm trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm quy định tại Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung kháng cáo:

2.1. Xét nguồn gốc hình thành các tài sản nêu trên:

- Đối với thửa đất số 18, tờ bản đồ số 23 (trước đây là thửa 40, tờ bản đồ số 01) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 488870, do UBND huyện H cấp ngày 18/01/2021, mang tên Nguyễn Sỹ H và Cù Thị Mai H1 và tài sản gắn liền với đất gồm: 01 ngôi nhà 03 tầng, lợp ngói CK, nhà đổ bằng bê tông cốt thép kiên cố, nhà có 3 phòng ngủ, 04 phòng vệ sinh, hệ thống điện đầy đủ; hệ thống cửa chính, cửa sổ làm bằng gỗ; mái che bằng tôn màu, thép hộp; có hệ thống cửa cổng đầy đủ tại tổ dân phố A, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Thấy rằng nguồn gốc của thửa đất này là do cha mẹ ruột của ông H là ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị T tặng cho vợ chồng ông H và bà H1 vào năm 2012, còn ngôi nhà là do ông H và bà H1 xây dựng năm 2012 (sau khi đăng ký kết hôn). Vì vậy, xác định đây là tài sản chung của vợ chồng ông H.

- Đối với thửa đất số 143, tờ bản đồ số 200, diện tích 338,8m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 054011, do UBND huyện H cấp ngày 25/12/2013, mang tên Cù Thị Mai H1 và Nguyễn Sỹ H. Địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh và tài sản trên đất gồm: 01 ngôi nhà gỗ 02 gian, cột vuông; phía trước thưng ván, phía sau xây tường, nhà lợp bằng ngói đỏ, nền lát vỉa xi măng; chiều dài ngôi nhà 8,30m, chiều rộng ngôi nhà 06m; 01 ngôi nhà bếp lợp Pờ rô xi măng, xà gồ bằng gỗ; nhà có chiều dài 05m, chiều rộng 3,20m. Nền lát vỉa xi măng; 01 mái che lợp Pờ rô xi măng, xà gồ bằng gỗ vuông 10 x 10cm, 03 cột tròn, 02 cột vuông. Nền lát vỉa xi măng; 01 cây mít đường kính 2,77 cm; 01 cây mung đường kính 28,66 cm; 01 cây mung đường kính 25,47cm; 02 cây mít đường kính 31,8cm. Thửa đất được bà Phan Thị N và ông Phạm Quốc V1 thuê để ở từ ngày 16/01/2024 cho đến nay. Căn cứ lời khai của bà N thửa đất và tài sản trên đất vẫn giữ nguyên từ khi thuê đến nay. Vợ chồng bà nga chỉ thuê ở, không có đóng góp gì để tôn tạo, làm tăng giá trị tài sản, bà không có quyền lợi gì đối với thửa đất này và không có tranh chấp gì.

Xét thấy nguồn gốc thửa đất là do Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất và đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/10/2009, mang tên Cù Thị Mai H1 và Nguyễn Sỹ H, thửa đất được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 25/12/2013, đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp.

Việc ông Cù Xuân L2 (*cha ruột của bà Cù Thị Mai H1*) trình bày thửa đất này là do ông L2 tặng cho vợ chồng bà H1 và ông H. Tuy nhiên, ông L2 và bà H1 cũng không có tài liệu gì để chứng minh việc tặng cho thửa đất cho bà H1 và ông H. Trong khi đó theo tài liệu của văn phòng Đ1 chi nhánh H4 - Đ thể

hiện nguồn gốc đất là do Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, là tài sản chung của ông Nguyễn Sỹ H và bà Cù Thị Mai H1 và tại hồ sơ, trình tự giao đất đều do bà Cù Thị Mai H1 và ông Nguyễn Sỹ H thực hiện. Xét thấy, ông Cù Xuân L2 và bà Nguyễn Thị M không có các tài liệu, chứng cứ để chứng minh quyền sở hữu đối của mình đối với thửa đất nêu trên nên không có căn cứ xác định thửa đất đang tranh chấp đối với ông Cù Xuân L2 và bà Nguyễn Thị M.

- Đối với thửa đất số 318, tờ bản đồ 32, diện tích 33,5m², địa chỉ thửa đất: Xã T, huyện T, thành phố Hà Nội, được Sở tài nguyên và môi trường thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DB 709615 ngày 03/6/2021, mang tên Nguyễn Sỹ H và Cù Thị Mai H1. Trên thửa đất có 01 ngôi nhà 4,5 tầng khép kín, tường xây 110, xây bê tông, cốt thép. Nhà xây trên toàn bộ diện tích đất. Nhà và đất hiện do ông Nguyễn Sỹ H đang quản lý, sử dụng, ngoài ra không còn ai khác.

Xét thấy, nguồn gốc thửa đất và tài sản trên đất là do ông H và bà H1 nhận chuyển nhượng vào năm 2021, đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp, chưa có đăng ký giao dịch bảo đảm nào đối với thửa đất, vợ chồng không có tài liệu gì để chứng minh đây là tài sản riêng của mỗi bên nên xác định đây là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Sỹ H và bà Cù Thị Mai H1 là có cơ sở.

- Đối với thửa đất số 39, tờ bản đồ số 23, diện tích 166,2m² Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 314578, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 08/12/2021 mang tên Nguyễn Sỹ H và Cù Thị Mai H1 tại dân phố A, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nguồn gốc thửa đất nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn D và bà Phạm Thị L3, trú tại: TDP A, thị trấn P, huyện H, Hà Tĩnh vào năm 2021, tại thời điểm Chấp hành viên yêu cầu, thửa đất không có tranh chấp, không có đăng ký giao dịch bảo đảm. Tài sản trên thửa đất gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 được xây làm 05 phòng. Có hệ thống điện đầy đủ. Chiều dài ngôi nhà 19m, chiều rộng ngôi nhà 8,5m, hộc cao 3,6m. Nhà được xây bằng gạch đỏ và gạch táp lô; Trần bằng T, M2 lợp tôn xộp. Sân rộng 5,4m, dài 8,5m lát vỉa xi măng. Hai cột cổng được xây bằng gạch táp lô vuông 40 x 40, cao 2,8m, cửa cổng có 04 cánh mỗi cánh rộng 60cm. Do đó, có căn cứ xác định đây tài sản chung của bà Cù Thị Mai H1 và ông Nguyễn Sỹ H, đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp và ông H đã được cấp giấy CNQSD đất số DS314578 cấp ngày 08/12/2021 là đảm bảo theo quy định pháp luật.

Việc vợ chồng ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị A cho rằng thửa đất này là vợ chồng ông bà đã mua của ông Nguyễn Sỹ H và bà Cù Thị Mai H1 vào năm 2021 với giá 800.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi mua đất hai bên chưa làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết việc dân sự tại cấp sơ thẩm ông Q và bà A cũng không cung cấp được tài liệu gì để chứng minh quyền sở hữu đối của mình đối với thửa đất nêu trên nên không có căn cứ xác định thửa đất đang tranh chấp đối với ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị Anh .

- Đối với thửa đất số 07, tờ bản đồ số 30, diện tích 100,9m² tại tổ dân phố B, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 214243, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 19/4/2021, mang tên Cù Thị Mai H1 và Nguyễn Sỹ H. Tài sản trên thửa đất gồm: 01 ngôi nhà cấp 4, chiều rộng 05m, chiều dài 20m, loại nhà ống, không có phòng tách biệt, dùng để kinh doanh buôn bán. Nhà lợp bằng tôn xộp, có hệ thống cửa xếp bằng sắt, mỗi cánh rộng 1,6m; cao 2,66m. Có hai cột cổng 40 x 40cm; cao 2,62m. Nguồn gốc thửa đất và tài sản trên đất là do ông H và bà H1 nhận chuyển nhượng của chị Phan Thị C2, trú tại: Tổ dân phố E, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh vào năm 2021, sử dụng ổn định, không có tranh chấp, chưa có đăng ký giao dịch bảo đảm nào đối với thửa đất. Vì vậy, cấp sơ thẩm xác định đây là tài sản chung của vợ chồng ông H, bà H1 là có căn cứ.

- Đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ số 26, diện tích 103,8m², tại tổ dân phố A, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 459996, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 06/6/2022 mang tên Cù Thị Mai H1 và Nguyễn Sỹ H; Trên đất không xây dựng công trình gì, chỉ có một số cây chuối không có giá trị.

Xét thấy nguồn gốc thửa đất là do ông H và bà H1 nhận chuyển nhượng của anh Đặng Văn T1 và chị Nguyễn Thị Thanh T2, trú tại xã S (nay là An Hòa T3), huyện H, tỉnh Hà Tĩnh vào năm 2022, sử dụng ổn định, không có tranh chấp, chưa có đăng ký giao dịch bảo đảm nào đối với thửa đất nên cần xác định đây là tài sản chung của ông H và bà H1.

- Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota, loại xe con, màu sơn trắng, trọng tải hàng hóa 07 chỗ, mang biển kiểm soát 38A-158.68, giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Sỹ H, đăng ký vào ngày 15/12/2015 (sau thời điểm ông H và bà H1 kết hôn). Mặt khác, ông H và bà H1 cũng không có tài liệu gì để chứng minh đây là tài sản riêng của mỗi bên nên cần xác định đây là tài sản chung của vợ chồng.

[2.2]. Đối với việc xác định, phân chia tài sản chung:

Đối với tài sản gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota, loại xe con, màu sơn trắng, trọng tải hàng hóa 07 chỗ, mang biển kiểm soát 38A-158.68, giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Sỹ H, đăng ký vào ngày 15/12/2015; các thửa đất số 143, tờ bản đồ số 200, diện tích 338,8m²; thửa đất số 318, tờ bản đồ 32, diện tích 33,5m²; thửa đất số 39, tờ bản đồ số 23, diện tích 166,2m²; thửa đất số 07, tờ bản đồ số 30, diện tích 100,9m²; thửa đất số 74, tờ bản đồ số 26, diện tích 103,8m² và tài sản trên các thửa đất này. Xét về nguồn gốc hình thành các tài sản nêu trên là do công sức của vợ chồng ông Nguyễn Sỹ H và bà Cù Thị Mai H1 tạo lập nên. Vì vậy, cấp sơ thẩm đã căn cứ Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình để xác định phần quyền sở hữu tài sản của ông Nguyễn Sỹ H là 50% và bà Cù Thị Mai H1 là 50% là phù hợp và đảm bảo quy định pháp luật.

Đối với thửa đất số 18, tờ bản đồ số 23 mang tên Nguyễn Sỹ H và Cù Thị Mai H1 có nguồn gốc là do cha mẹ ruột của ông H là ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị T tặng cho vợ chồng ông H và bà H1 vào năm 2012 và hiện tại, ông

H đang ở trên thửa đất này để chăm sóc nuôi dưỡng mẹ ruột của mình là bà Nguyễn Thị T. Xét về nguồn gốc hình thành, công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển tài sản chung này, cấp sơ thẩm đã phân chia thửa đất và tài sản trên đất cho ông Nguyễn Sỹ H được hưởng 70%; bà Cù Thị Mai H1 được hưởng 30% quyền sở hữu đối với thửa đất và tài sản trên đất là hợp tình, hợp lý.

Tại cấp phúc thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Sỹ H, bà Nguyễn Thị M, ông Cù Xuân L2, ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị A kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Từ những phân tích trên, Hội đồng phúc thẩm xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Phương Đ là có căn cứ. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Sỹ H, bà Nguyễn Thị M, ông Cù Xuân L2, ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị Anh .

[3]. Về lệ phí phúc thẩm giải quyết việc dân sự: kháng cáo của ông Nguyễn Sỹ H không được chấp nhận nên phải chịu lệ phí phúc thẩm giải quyết việc dân sự; bà Nguyễn Thị M, ông Cù Xuân L2, ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị A là người cao tuổi nên không phải chịu lệ phí phúc thẩm giải quyết việc dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 375 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Sỹ H, bà Nguyễn Thị M, ông Cù Xuân L2, ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị Anh . Giữ nguyên quyết định giải quyết việc dân sự sơ thẩm số 01/2025/QĐST-DS ngày 08/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ Điều 213, 219 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 29, Điều 33, Điều 35, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40 và Điều 59 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39, Điều 156, Điều 157, Điều 165, Điều 228, Điều 361, Điều 367, Điều 370, Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 11, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Phương Đ - Chấp hành viên của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh về việc “Xác định, phân chia tài sản chung để thi hành án”.

2. Xác định phần quyền sở hữu trong các tài sản chung của ông Nguyễn Sỹ H và bà Cù Thị Mai H1 như sau:

+ Ông Nguyễn Sỹ H được hưởng 50%; bà Cù Thị Mai H1 được hưởng 50% phần quyền sở hữu đối với Thửa đất số 318, tờ bản đồ 32, diện tích 33,5m², địa chỉ thửa đất: Xã T, huyện T, thành phố Hà Nội, được Sở tài nguyên

và môi trường thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DB 709615 ngày 03/6/2021.

+ Ông Nguyễn Sỹ H được hưởng 70%; bà Cù Thị Mai H1 được hưởng 30% phần quyền sở hữu đối với Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 23 (trước đây là thửa 40, tờ bản đồ số 01); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 488870, do UBND huyện H cấp ngày 18/01/2021 và các tài sản gắn liền với đất. Tại tổ dân phố dân phố A1, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Ông Nguyễn Sỹ H được hưởng 50%; bà Cù Thị Mai H1 được hưởng 50% phần quyền sở hữu đối với Thửa đất số 39, tờ bản đồ số 23, diện tích 166,2m² Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 314578, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 08/12/2021 và các tài sản gắn liền với đất. Tại Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Ông Nguyễn Sỹ H được hưởng 50%; bà Cù Thị Mai H1 được hưởng 50% phần quyền sở hữu đối với Thửa đất số 74, tờ bản đồ số 26, diện tích 103,8m², địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 459996, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 06/6/2022 và các tài sản gắn liền với đất.

+ Ông Nguyễn Sỹ H được hưởng 50%; bà Cù Thị Mai H1 được hưởng 50% phần quyền sở hữu đối với Thửa đất số 07, tờ bản đồ số 30, diện tích 100,9m²; địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố B, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 214243, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 19/4/2021 và các tài sản gắn liền với đất.

+ Ông Nguyễn Sỹ H được hưởng 50%; bà Cù Thị Mai H1 được hưởng 50% phần quyền sở hữu đối với Thửa đất số 143, tờ bản đồ số 200, diện tích 338,8m²; địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 054011, do UBND huyện H cấp ngày 25/12/2013 và các tài sản gắn liền với đất.

+ Ông Nguyễn Sỹ H được hưởng 50%; bà Cù Thị Mai H1 được hưởng 50% phần quyền sở hữu đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota, loại xe con, màu sơn trắng, trọng tải hàng hóa 07 chỗ, mang biển kiểm soát 38A-158.68, giấy chứng nhận đăng ký xe ngày 15/12/2015.

3. Chi phí tố tụng: Ghi nhận bà Nguyễn Thị Phương Đ tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.200.000đồng (Hai triệu hai trăm nghìn đồng).

4. Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

- Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị Phương Đ chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, thuộc trường hợp không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

- Về lệ phí phúc thẩm giải quyết việc dân sự:

+ Ông Nguyễn Sỹ H phải chịu 300.000 đồng lệ phí phúc thẩm giải quyết việc dân sự nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng ông đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002980 ngày 23/01/2025 tại Chi cục thi hành án huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Miễn lệ phí phúc thẩm giải quyết việc dân sự cho bà Nguyễn Thị M, ông Cù

Xuân L2, ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị Anh .

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND, VKS, Chi cục THA.DS sơ thẩm;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Trần Thị Thu Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Minh Thư Trần Thị Thu H3

Hồ Đức Q1

